PHIẾU BÀI TẬP TOÁN LỚP 2

Bảng trừ (qua 10) · Bài toán nhiều hơn, ít hơn · sách Kết nối tri thức

Tuần 7

Họ và tên: ..... Lớp: .....

Bài 1: Tính nhẩm

15 − 8 = ☐ 13 − 4 = ☐ 12 − 3 = ☐ 13 − 9 = ☐

18 − 9 = ☐ 11 − 5 = ☐ 17 − 8 = ☐ 15 − 7 = ☐

Bài 2: Số?

16 − ☐ = 7 ☐ − 8 = 9 14 − ☐ = 8 ☐ − 9 = 5

11 − ☐ = 7 18 − ☐ = 9 11 − ☐ = 8 ☐ − 8 = 8

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. Kết quả của phép tính 16 − 9 là:

(A) 6 (B) 7 (C) 8 (D) 9

2. Phép tính nào có kết quả bằng 8?

(A) 13 − 4 (B) 15 − 7 (C) 12 − 3 (D) 11 − 4

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

☐ **a)** 14 − 6 = 8

☐ **b)** 12 − 5 = 6

Bài 5: Bài toán

1. Hùng có 9 viên bi, Dũng có nhiều hơn Hùng 5 viên bi. Hỏi Dũng có bao nhiêu viên bi?

.....

.....

.....

2. Chị Hoa hái được 16 quả cam, em Mai hái được ít hơn chị Hoa 7 quả. Hỏi em Mai hái được bao nhiêu quả cam?

.....

.....

.....

onthi.app Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án

ĐÁP ÁN – TOÁN LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài

Tuần 7

Bài 1: Tính nhẩm

15 – 8 = **7** 13 – 4 = **9** 12 – 3 = **9** 13 – 9 = **4** 18 – 9 = **9** 11 – 5 = **6** 17 – 8 = **9** 15 – 7 = **8**

Bài 2: Số?

16 – **9** = 7 **17** – 8 = 9 14 – **6** = 8 **14** – 9 = 5 11 – **4** = 7 18 – **9** = 9 11 – **3** = 8 **16** – 8 = 8

Bài 3: Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

1. **B** (7) 2. **B** (15 – 7)

Bài 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S

a) **Đ** b) **S**

Bài 5: Bài toán

1. Dũng có số viên bi là: 9 + 5 = 14 (viên bi). Đáp số: 14 viên bi.

2. Em Mai hái được số quả cam là: 16 – 7 = 9 (quả cam). Đáp số: 9 quả cam.

onthi.app
Ôn Thi · phiếu bài tập in miễn phí, có đáp án